

ĐỀ LUYỆN SỐ 1

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Con đã về đây, ơi mẹ Tơm
Hỏi người mẹ khổ đã dành cơm
Cho con, cho Đảng ngày xưa ấy
Không sợ tù gông, chấp súng gươm

(2) Nhà ai mới nhĩ, tường vôi trắng
Thơm nức mùi tôm nặng mảy nồng
Ngồn ngộn sân phơi khoai dất nắng
Giếng vườn ai vậy, nước khơi trong?

(3) Ôi bóng người xưa, đã khuất rồi
Tròn đôi nắm đất trắng chân đồi
Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng ngời

(4) Đốt nén hương thơm, mát dạ Người
Hãy về vui chút, mẹ Tơm ơi!
Nắng tươi xóm ngói, tường vôi mới
Phấp phới buồm dong, nắng biển khơi..."

(Trích bài thơ "Mẹ Tơm"- Tố Hữu, Thơ Việt Nam 1945 - 1985)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên là:

- A. Miêu tả B. Tự sự
- C. Nghị luận D. Biểu cảm

Câu 2. Thể thơ của đoạn trích trên là gì ?

- A. Tự do
- B. Song thất lục bát
- C. Lục bát
- D. Thất ngôn tứ tuyệt

Câu 3. Dựa vào nội dung khổ thơ (1), bài thơ được viết vào hoàn cảnh nào

- A. Trong một chuyến ghé thăm bất ngờ vùng đất Hậu Lộc.
- B. Tác giả trở về quê hương sau bao ngày xa cách.
- C. Nhân dịp tác giả đi cùng đoàn tham quan.
- D. Trong một chuyến đi về thăm lại người mẹ anh hùng.

Câu 4. Biện pháp tu từ sử dụng trong câu thơ: *“Những trái tim như ngọc sáng ngời”* là:

- A. So sánh, hoán dụ
- B. Nhân hóa, so sánh
- C. Hoán dụ, đảo ngữ
- D. Ẩn dụ, hoán dụ

Câu 5. Tâm trạng của tác giả được thể hiện ở khổ thơ thứ hai trong đoạn trích trên là:

- A. Sự ngạc nhiên, vui mừng trước sự đổi thay của quê hương
- B. Sự ngỡ ngàng và cảm giác lạ lẫm khi lâu ngày mới trở lại
- C. Sự buồn ngủi, xúc động khi nhìn thấy những cảnh vật nơi đây

D. Sự thất vọng, nuối tiếc khi không còn thấy cảnh cũ, người xưa

Câu 6. Hai câu thơ sau cho ta thấy điều gì?

“Nắng tươi xóm ngói, tường vôi mới

Phấp phới buồm dong, nắng biển khơi”

A. Vẻ đẹp cuộc sống mới đang thay đổi từng ngày

B. Hình ảnh thiên nhiên, đất nước trong thời kì chiến tranh

C. Khung cảnh thiên nhiên vào buổi sáng sớm

D. Sự thay đổi của con người vào thời kì hậu chiến

Câu 7. Trong đoạn thơ trên có mấy cặp từ trái nghĩa?

A. 5

B. 2

C. 1

D. 3

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Dựa vào văn bản, em hãy nêu nội dung chính của trích đoạn “Mẹ Tơm”?

Câu 9. Dựa vào trích đoạn “Mẹ Tơm” của tác giả Tố Hữu, em thấy hình ảnh mẹ Tơm hiện lên là người như thế nào?

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 -7 câu) nhận xét về tình cảm của tác giả được thể hiện trong khổ thơ cuối.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào nội dung của văn bản trên, em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trước vận mệnh của đất nước, dân tộc.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	D	0.5
	2	A	0.5
	3	D	0.5
	4	A	0.5
	5	A	0.5
	6	A	0.5
	7	C	0.5
	8	Đoạn thơ là những dòng cảm xúc của tác giả Tố Hữu khi được trở về quê hương mẹ Tơm. Đồng thời, tác giả gửi gắm tấm lòng thương yêu, kính trọng, ngợi ca và biết ơn người mẹ đã nuôi dưỡng nhà thơ trong những ngày tháng gian khổ.	0.5
	9	Mẹ Tơm là một người mẹ giàu lòng thương yêu, có lí tưởng cao quý, một người phụ nữ yêu nước, căm thù giặc. Mẹ không quan khó nhọc nguy hiểm để cất giấu cán bộ chiến sĩ trong nhà mình.	1.0
	10	Học sinh phân tích những tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện ở khổ thơ cuối của đoạn trích. Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>	0.5

	Phân tích một nhân vật trong “Mây trắng con bay”	
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nhân vật lựa chọn để phân tích (cô tiếp viên, tay vận complet, bà cụ, nhân vật tôi); tiến hành phân tích những hành động, suy nghĩ của nhân vật được thể hiện thông qua những chi tiết trong văn bản; đưa ra giá trị nội dung, nghệ thuật và tư tưởng, thông điệp của tác giả.</p> <p>- Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <p>+ Vì sao thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai đất nước?</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thanh niên học sinh hôm nay sẽ là thế hệ tiếp tục bảo vệ, xây dựng đất nước sau này. • Vốn tri thức được học và nền tảng đạo đức để thực hành trong cuộc sống khi trưởng thành. • Một thế hệ trẻ giỏi giang, có đạo đức hôm nay hứa hẹn có một lớp công dân tốt trong tương lai gần. • Thế giới không ngừng phát triển, điều này do con người quyết định mà nguồn gốc sâu xa là từ việc học tập, tu dưỡng thời trẻ. <p>+ Thực tế đã chứng minh, việc học tập của tuổi trẻ tác động lớn đến tương lai đất nước.</p> <p>Những người có sự chăm chỉ học tập, rèn luyện khi còn trẻ thì sau này đều có những cống hiến quan trọng cho đất nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày xưa: những người tài như Lí Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,... từ thời trẻ đã chăm chỉ luyện rèn, trưởng thành lập những chiến công làm rạng danh đất nước. • Ngày nay: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng. 	2.5

	<p>Các nhà khoa học xã hội có nhiều đóng góp cho đất nước trong mọi lĩnh vực như nhà bác học Lương Định Của, tiến sĩ Tạ Quang Bửu, anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa, ...</p> <p>+ Từ xưa đến nay, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại gian khó, hi sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trong chiến tranh: (dẫn chứng cụ thể) • Trong thời bình: (dẫn chứng cụ thể) <p>+Làm thế nào để phát huy được vai trò của tuổi trẻ?</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đảng và nhà nước cần có những chính sách ưu tiên hơn nữa cho việc đào tạo thế hệ trẻ. • Nhà trường phải đẩy mạnh công tác giáo dục thế hệ trẻ về tài, đức. • Mỗi người trẻ cần ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự phát triển của đất nước, phải chăm chỉ học hành, rèn luyện đạo đức... <p>+ Bài học nhận thức và hành động</p> <p>+ Liên hệ bản thân</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: THƠ CA**ĐỀ LUYỆN SỐ 2****Môn: Ngữ văn lớp 10**

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nằm trong tiếng nói yêu thương
 Nằm trong tiếng Việt vấn vương một đời.
 Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi
 Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con.
 Tháng ngày con mẹ lớn khôn,
 Yêu thơ, thơ kể lại hồn ông cha,
 Đời bao tâm sự thiết tha
 Nói trong tiếng nói lòng ta thuở giờ...

(Trích bài thơ “Nằm trong tiếng nói yêu thương”- Huy Cận)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên là:

- A. Miêu tả B. Tự sự
 C. Nghị luận D. Biểu cảm

Câu 2. Thể thơ của đoạn trích trên là gì ?

- A. Tự do
 B. Song thất lục bát
 C. Lục bát
 D. Thất ngôn tứ tuyệt

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ: “Yêu thơ, thơ kể lại hồn ông cha.”

- A. Điệp ngữ
 B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. Nói quá

Câu 4. Biện pháp tu từ sử dụng trong câu thơ: “Yêu thơ, thơ kể lại hồn ông cha” là:

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Liệt kê

D. Ẩn dụ

Câu 5. Tác dụng của tiếng Việt được thể hiện trong hai câu thơ

“Đời bao tâm sự thiết tha

Nói trong tiếng nói lòng ta thuở giờ...”

là:

A. Giúp con người bộc lộ tâm tư, tình cảm của chính mình.

B. Thể hiện truyền thống của người Việt.

C. Giúp con người truyền đạt và trao đổi thông tin với nhau.

D. Là nét đẹp làm nên văn hóa đất nước.

Câu 6. Tác dụng của dấu chấm lửng trong câu thơ: “Nói trong tiếng nói lòng ta thuở giờ...” là:

A. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

B. Chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ

C. Còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết

D. Làm giãn nhịp điệu câu văn

Câu 7. Nội dung của bài thơ trên là gì?

A. Tiếng Việt là một ngôn ngữ thông dụng ở nước ta.

B. Tiếng Việt là ngôn ngữ toàn dân ở nước ta.

C. Tiếng Việt do ông cha ta sáng tạo và truyền lại cho đời đời con cháu

D. Tiếng Việt gắn liền với con người Việt Nam từ thuở sơ sinh đến lúc trưởng thành.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Dựa vào nội dung văn bản trên, em hãy nêu một thông điệp mà em rút ra được từ bài thơ “Nằm trong tiếng nói yêu thương”

Câu 9. Em hãy nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với tiếng Việt được thể hiện trong bài thơ trên.

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ “Nằm trong tiếng nói yêu thương”.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào nội dung của bài thơ trên, em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của thế hệ trẻ với việc gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ

Môn Ngữ văn, lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	D	0.5
	2	C	0.5
	3	C	0.5
	4	B	0.5
	5	A	0.5
	6	D	0.5
	7	D	0.5
	8	Học sinh trình bày thông điệp ý nghĩa nhất với bản thân.	0.5

		Thông điệp phù hợp với nội dung tư tưởng của bài thơ và mang tính đạo đức, thẩm mỹ.	
	9	Tình yêu tha thiết, niềm tự hào, thái độ trân trọng, ngợi ca của nhà thơ đối với tiếng Việt.	1.0
	10	Học sinh phân tích những tình cảm, cảm xúc, ấn tượng của bản thân về nội dung và hình thức nghệ thuật được thể hiện trong bài thơ. Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Trách nhiệm của thế hệ trẻ với việc gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. - Sau đây là một hướng gợi ý: * Giải thích khái niệm: - Trong sáng là gì? - Sự trong sáng trong tiếng Việt là gì? <ul style="list-style-type: none"> • Có những chuẩn mực và quy tắc chung của tiếng Việt • Không pha tạp, hòa nhập nhưng không hòa tan 	2.5

	<ul style="list-style-type: none"> Sự sáng tạo phải tuân theo quy tắc Đảm bảo tính văn hóa, lịch sự, đạo đức trong tiếng Việt <p>* Thực trạng vấn đề sử dụng tiếng Việt của thế hệ trẻ</p> <p>* Tầm quan trọng của tiếng nói dân tộc</p> <p><i>"Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của các dân tộc, là yếu tố quan trọng nhất giúp giải phóng các dân tộc bị thống trị".</i></p> <p>* Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?</p> <p>-Tôn trọng và giữ gìn giá trị của tiếng Việt</p> <p>-Cân nhắc trong sử dụng tiếng Việt, không lai tạp tùy tiện</p> <p>-Thường xuyên rèn luyện sử dụng tiếng Việt</p> <p>-Sử dụng tiếng Việt một cách chuẩn mực, lịch sự</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p>e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: THƠ CA

ĐỀ LUYỆN SỐ 3

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

THU VỊNH

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.

**(Nguyễn Khuyến - Tác phẩm, Nguyễn Văn
Huyền chủ biên, NXB Khoa học xã hội, 1984)**

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú B. Song thất lục bát
C. Lục bát D. Thất ngôn xen lục ngôn

Câu 2. Các tính từ được sử dụng trong bài thơ để miêu tả vẻ đẹp mùa thu là:

- A. thưa, xanh ngắt B. lơ phơ, thẹn
C. xanh ngắt, biếc D. hắt hiu, bóng trăng

Câu 3. Bài thơ trên sử dụng lối gieo vần nào ?

- A. Vần lưng
B. Vần hỗn hợp
C. Vần trắc
D. Vần chân

Câu 4. Điểm nhìn để đón nhận cảnh thu của Nguyễn Khuyến trong bài thơ Thu vịnh là:

- A. Điểm nhìn từ trên cao
- B. Điểm nhìn từ dưới thấp
- C. Điểm nhìn từ gần đến cao xa, từ cao xa lại trở về gần
- D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa

Câu 5. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong hai câu thơ:

*Nước biếc trông như tầng khói phủ
Song thưa để mặc bóng trăng vào*

- A. Nhân hóa, ẩn dụ
- B. So sánh, nhân hóa
- C. Liệt kê, so sánh
- D. So sánh, ẩn dụ

Câu 6. Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ là gì?

- A. Nhớ nhung, sầu muộn
- B. Chán chường, ngán ngẫm
- C. U buồn, tủi hổ
- D. Cô đơn, u hoài

Câu 7: Bức tranh mùa thu trong Thu vịnh là bức tranh như thế nào?

- A. Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ
- B. Bức tranh thiên nhiên mới mẻ, kì thú, đậm chất phương xa, xứ lạ.
- C. Bức tranh thiên nhiên âm đạm, hiu hắt
- D. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Tác dụng của câu hỏi tu từ trong câu thơ “*Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*” là gì?

Câu 9. Bài thơ khắc hoạ mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ, em có biết bài thơ nào viết về đề tài này không? Hãy ghi lại tên bài thơ và tên tác giả của bài thơ đó.

Câu 10. Từ nội dung của bài thơ “Thu vịnh” của tác giả Nguyễn Khuyến, em hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về nỗi thẹn của tác giả qua hai câu thơ cuối.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích về tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ “Thu vịnh” của tác giả Nguyễn Khuyến.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0.5
	2	C	0.5
	3	D	0.5
	4	D	0.5
	5	B	0.5
	6	C	0.5
	7	D	0.5
	8	- Tăng sức gợi hình gợi cảm, tăng sự diễn đạt và nhịp điệu cho câu thơ. - Thể hiện được tâm trạng nỗi buồn man mác, àm thốn thức nỗi lòng của thi nhân.	0.5
	9	Học sinh kể tên một số bài thơ ứng với chủ đề yêu cầu. Sau đây là một số gợi ý: Thu ẩm, Thu điếu (Nguyễn Khuyến), Sang thu (Hữu Thỉnh),	1.0

		Khi thu rụng lá (Lưu Trọng Lư),...	
	10	<p>- Học sinh trình bày được những suy nghĩ về nỗi thẹn của tác giả Nguyễn Khuyến qua hai câu thơ cuối.</p> <p>- Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.</p> <p><i>Sau đây là một số gợi ý:</i></p> <p>+ Thể hiện một tấm lòng chân thực, nỗi niềm u uẩn của một nhân cách lớn, của một nhà thơ lớn.</p> <p>+ Dù đã về ẩn dật rồi, Nguyễn Khuyến vẫn còn chưa nguôi ân hận về những năm tham gia bộ máy chính quyền thời nát tàn bạo thời bấy giờ.</p> <p>→ Nhân cách cao cả của tác giả</p>	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> <i>Phân tích về tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ “Thu vịnh”</i>	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. <i>Sau đây là một hướng gợi ý:</i> 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu nội dung cần phân tích, đánh giá 2. Phân tích, đánh giá đặc sắc nội dung	2.5

	<p>+ Hai câu đề: hình ảnh bầu trời mùa thu xanh ngắt và cao vợi vợi; mấy tầng cao là tưởng như bầu trời có nhiều lớp, nhiều tầng. Cánh trúc thanh mảnh khẽ đong đưa trước ngọn gió hắt hiu (gió nhẹ) càng tôn thêm vẻ mênh mông của bầu trời mùa thu.</p> <p>+ Hai câu thực: Nước biếc là màu đặc trưng của nước mùa thu (trong xanh). Lúc sáng sớm và chiều tối, mặt ao hồ thường có sương, trông như tầng khói phủ. Cảnh vật quen thuộc, bình dị trở nên huyền ảo. Hình ảnh Song thưa để mặc bóng trắng vào có sự tương phản giữa cái hữu hạn (song thưa) và cái vô hạn (bóng trắng), do vậy mà tứ thơ rộng mở, mênh mông ý nghĩa.</p> <p>→ Cảnh vật trong bốn câu thơ trên được nhà thơ miêu tả ở những thời điểm khác nhau trong ngày, nhưng mối dây liên hệ giữa chúng lại là sự nhất quán trong cảm xúc của tác giả.</p> <p>+ Hai câu luận: Tâm trạng hoài cổ chi phối cách nhìn, cách nghĩ của nhà thơ. Hoa năm nay mà nghĩ là hoa năm ngoái. Tiếng ngỗng trời kêu quen thuộc mỗi độ thu về khiến nhà thơ giật mình, băn khoăn tự hỏi ngỗng nước nào?</p> <p>→ Chứa chất bàng khuâng, suy tư. Nhà thơ quan sát cảnh vật với một nỗi niềm u uất.</p> <p>+ Hai câu kết: Thi hứng dạt dào thôi thúc nhà thơ cầm bút, nhưng phần lí trí bừng thức khiến nhà thơ chột thấy thẹn với ông Đào. (Tức Đào Tiềm, nhà thơ nổi tiếng đời Đường bên Trung Quốc).</p> <p>3. Phân tích, đánh giá đặc sắc nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ trong sáng, giản dị, tự nhiên, gần gũi với đời thường 	
--	---	--

	- Sử dụng từ láy một cách khéo léo	
	4. Khẳng định lại một cách khái quát những nét đặc sắc về nội dung, độc đáo về nghệ thuật; khẳng định tài năng của tác giả và nêu ý nghĩa/ giá trị, tác động của tác phẩm với người đọc.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.25
	e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: THƠ CA**ĐỀ LUYỆN SỐ 4****Môn: Ngữ văn lớp 10***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc bài thơ sau:****LÁ ĐỎ**

Gặp em trên cao lộng gió
 Rừng lạ ào ào lá đỏ
 Em đứng bên đường như quê hương
 Vai áo bạc quàng súng trường.
 Đoàn quân vẫn đi vội vã
 Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa.
 Chào em, em gái tiền phương
 Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.
 Em vẫn cười đôi mắt trong.

1974

(Trích từ Tuyển tập thơ Việt Nam giai đoạn chống Mỹ cứu nước, Nguyễn Đình Thi, NXB Hội nhà văn, 1999)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thể thơ 5 chữ
- B. Thể thơ 6 chữ
- C. Thể thơ 7 chữ
- D. Thể thơ tự do

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ: “Em đứng bên đường như quê hương”

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Hoán dụ
- D. Ẩn dụ

Câu 3. Các hình ảnh miêu tả thiên nhiên: *đỉnh Trường Sơn lộng gió, rừng ào ào lá đỏ* khắc họa khung cảnh Trường Sơn như thế nào?

- A. Khoáng đạt, hùng vĩ
- B. Thơ mộng, trữ tình
- C. Khắc nghiệt, dữ dội
- D. Tráng lệ, kì vĩ

Câu 4. Nhân vật trữ tình trong văn bản là ai?

- A. Người lính Trường Sơn
- B. Nguyễn Đình Thi
- C. Em gái tiền phương
- D. Người lính Trường Sơn và em gái tiền phương

Câu 5. Hai câu sau gợi ra điều gì?

Chào em, em gái tiền phương

Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn

- A. Niềm tin và hi vọng vào ngày chiến thắng của người lính Trường Sơn
- B. Lời chào và lời ước hẹn của cô gái tiền phương và người lính Trường Sơn
- C. Lời chào và lời ước hẹn của người lính Trường Sơn với cô gái tiền phương
- D. Lời hẹn ước giữa hai nhân vật trữ tình

Câu 6. Cảm xúc của tác giả qua văn bản là

- A. niềm vui, tự hào và hy vọng vào tương lai của người lính Trường Sơn.
- B. niềm vui, lạc quan, tin tưởng, tự hào và hy vọng vào ngày mai chiến thắng.
- C. niềm vui sướng, hạnh phúc khi gặp lại người em gái tiền phương.
- D. niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến.

Câu 7. Không khí hành quân hào hùng thần tốc được thể hiện qua hình ảnh nào?

- A. Bụi Trường Sơn
- B. Đoàn lính Trường Sơn hành quân vội vã
- C. Đoàn quân đi vội vã, bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa
- D. Áo ào lá đỏ

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Trình bày ngắn gọn nội dung của văn bản.

Câu 9. Câu thơ “*Vai áo bạc quàng súng trường*” gợi lên vẻ đẹp gì của người con gái tiền phương?

Câu 10. Hình ảnh “*em gái tiền phương*” gợi lên cho anh/chị suy nghĩ gì về sự góp mặt của những người phụ nữ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc văn bản:

Bài học về việc đón nhận thành công luôn thật dễ hiểu và dễ thực hiện. Nhưng đối mặt với thất bại, nhất là thất bại đầu đời, lại là điều không hề dễ dàng. Với tất cả mọi người, thất bại - nhất là thất bại trong các mối quan hệ - thường vẫn tạo ra những tổn thương sâu sắc. Điều này càng trở nên nặng nề đối với các bạn trẻ. Nhưng bạn có biết rằng tất cả chúng ta đều có quyền được khóc? Vậy nên nếu bạn đang cảm thấy cô đơn, tuyệt vọng thì hãy cho phép mình được khóc. Hãy để những giọt nước mắt ấm nồng xoa dịu trái tim đang thổn thức của bạn. Và hãy tin rằng ở đâu đó, có một người nào đó vẫn đang sẵn lòng kề vai cho bạn tựa, muốn được ôm bạn vào lòng và lau khô những giọt nước mắt của bạn... Muốn nhìn thấy cầu vồng, ta phải đi qua cơn mưa... Vì thế, hãy tin ngày mai nắng sẽ lên, và cuộc đời lại sẽ ươm hồng những ước mơ của bạn, một khi bạn còn giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin.

Thực hiện yêu cầu: Từ văn bản trên, anh/ chị viết một bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của niềm tin trong cuộc sống (khoảng 500 chữ).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	D	0.5
	2	B	0.5
	3	A	0.5
	4	C	0.5
	5	C	0.5
	6	B	0.5
	7	C	0.5
	8	<p>Nội dung của văn bản: Khung cảnh cuộc hành quân hào hùng, thần tốc; vẻ đẹp của thiên nhiên rừng Trường Sơn; vẻ đẹp của người con gái trẻ trung, tươi tắn; niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án hoặc đảm bảo từ 3 ý trở lên: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đảm bảo được một nửa số ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	0.5
	9	<p>Gợi ý: Gọi lên vẻ đẹp gần gũi, thân thương, vừa mộc mạc, táo tợn vừa kiên cường, rắn rỏi,... của người con gái tiền phương.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa 	1.0

	<p>tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
10	<p>Gợi ý:</p> <p>- Hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thật đẹp và oai hùng.</p> <p>- Họ không tiếc tuổi xuân, không sợ nguy hiểm mà đã ra trận. Họ ra đi với tinh thần “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 – 0,75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
II	VIẾT	4.0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề nghị luận, kết bài khái quát được vấn đề nghị luận.</p>	0.25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của niềm tin trong cuộc sống</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.</p>	0.25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới những vấn đề sau:</p>	2.5

	<p>- Văn bản nói đến những thử thách của tuổi trẻ và khuyên tuổi trẻ cần có niềm tin trong cuộc sống.</p> <p>- Giải thích: niềm tin là thứ bạn cảm nhận, tin tưởng vào một điều gì đó và mong muốn nó sẽ xảy ra theo cách mà bạn suy nghĩ.</p> <p>- Phân tích, đánh giá, bàn bạc: Đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc đời, chúng ta thường nản lòng, chùn bước. Niềm tin có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người.</p> <p>+ Niềm tin sẽ giúp ta mạnh mẽ, bản lĩnh để vượt qua tất cả.</p> <p>+ Niềm tin là động lực giúp bạn hoàn thành những mong muốn, dự định và đạt được mục tiêu của mình. Nó có thể định hướng và quyết định những hành động đúng đắn của bạn.</p> <p>+ Niềm tin tạo ra năng lượng tích cực giúp bạn xóa bỏ những rào cản, tăng lòng nhiệt huyết, phát huy những năng lực và hành động khác của bản thân.</p> <p>- Phê phán những người sống thiếu niềm tin: thường cảm giác bất an lo lắng, thiếu năng lượng, thiếu nỗ lực khiến bản thân buông xuôi.</p> <p>- Bài học: Không có niềm tin thì cuộc sống sẽ vô nghĩa. Vì vậy, cần có niềm tin và hy vọng bạn sẽ thành công và hạnh phúc. Trước khi tin vào điều gì đó thì hãy tin vào chính bạn.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.</i></p> <p>- <i>Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.</i></p> <p>- <i>Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</i></p> <p>▪</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá</p>	0.5

	<i>nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: THƠ CA**ĐỀ LUYỆN SỐ 5****Môn: Ngữ văn lớp 10***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc bài thơ sau:****XUÂN VỀ**

Đã thấy xuân về với gió đông,
 Với trên màu má gái chưa chồng.
 Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
 Ngược mắt nhìn giời, đôi mắt trong.

Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
 Mưa tạnh trời quang, nắng mới hoe.
 Lá nỡ, nhành non ai trắng bạc?
 Gió về từng trận, gió bay đi...

Thông thả, dân gian nghỉ việc đồng,
 Lúa thì con gái mượt như nhung
 Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
 Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.

Trên đường cát mịn, một đôi cô,
 Yếm đỏ, khăn thâm, thấy hội chùa.

Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Lần lần tràng hạt niệm nam vô.

(**Xuân về** - Nguyễn Bính, Trích từ *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh, NXB Văn học, 1997, tr.351)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau là:

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, thấy hội chùa.*

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Liệt kê
- D. Ẩn dụ

Câu 2. Những sự vật, hiện tượng được tác giả nhắc đến mang đặc trưng của mùa xuân là:

- A. Nắng mới hoe, nhành non, lộc non, lá rụng đầy trời, ong bướm đầy vườn
- B. Nắng mới hoe, lá nõn, nhành non, hương ổi chín nồng nàn, bướm vẽ vòng
- C. Nắng mới hoe, lá nõn, nhành non, hoa đào khoe sắc, bướm ong đầy vườn
- D. Nắng mới hoe, lá nõn, nhành non, hoa bưởi, hoa cam rụng ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng

Câu 3. Xác định thể thơ của văn bản trên.

- A. Tự do.
- B. Thất ngôn.
- C. Thơ mới.
- D. Bảy chữ.

Câu 4. Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: "*Lúa thì con gái mượt như nhung*".

- A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.
- B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.
- C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.
- D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

Câu 5. Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: "*Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?*" là:

- A. bồi hồi, xúc động.
- B. buồn thương, nuối tiếc.
- C. lưu luyến, vấn vương.
- D. ngỡ ngàng, vui sướng.

Câu 6. Ý nào khái quát nội dung chính của văn bản?

- A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.
- B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.
- C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.
- D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

Câu 7. Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu *“Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”*.

- A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.
- B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.
- C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.
- D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Giá trị biểu cảm của từ láy *“xun xoe”* trong câu thơ *“Từng đàn con trẻ chạy xun xoe”*.

Câu 9. Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

*“Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, thấy hội chùa.”*

Câu 10. Anh/Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

*“Quê hương là gì hở mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều*

*Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay*

Quê hương là con diều biếc
 Tuổi thơ con thả trên đồng
 Quê hương là con đò nhỏ
 Êm đềm khua nước ven sông

Quê hương là cầu tre nhỏ
 Mẹ về nón lá nghiêng che
 Là hương hoa đồng cỏ nội
 Bay trong giấc ngủ đêm hè

Quê hương là vàng hoa bí
 Là hồng tím giậu mồng tơi
 Là đỏ đôi bờ dâm bụi
 Màu hoa sen trắng tinh khôi

Quê hương mỗi người chỉ một
 Như là chỉ một mẹ thôi
 Quê hương nếu ai không nhớ..."

Đỗ Trung Quân

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích đánh giá đặc sắc trong nghệ thuật và nội dung của bài thơ trên.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	C	0.5
	2	D	0.5
	3	D	0.5
	4	A	0.5
	5	D	0.5
	6	A	0.5
	7	D	0.5
	8	Giá trị biểu cảm của từ láy “xun xoe” trong câu thơ	0.5

	<p><i>“Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe”:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Thể hiện tâm trạng nô nức, háo hức... • Niềm vui sướng của con trẻ khi xuân về <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
9	<p>Nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Trên đường cát mịn, một đôi cô, Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Trang phục truyền thống • Lễ hội mùa xuân <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	1.0
10	<p>Gợi ý thông điệp tích cực rút ra từ văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sống hòa hợp, gắn bó, yêu thiên nhiên • Trân trọng những giá trị của làng quê, hồn quê <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh trả lời tương đương 02 ý như đáp án: 1.0 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt</p>	1.0

	<p>chưa tốt: 0.25 – 0.75 điểm.</p> <p>- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0.0 điểm.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.</p>	
II	VIẾT	4.0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0.25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</p> <p>Tình yêu quê hương của tác giả trong bài thơ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.25 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0.0 điểm.</p>	0.25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:</p>	2.0
	<ul style="list-style-type: none"> • Nội dung: Tình yêu quê hương giản dị, mộc mạc, sâu lắng: <ul style="list-style-type: none"> + Quê hương là nơi gắn liền với kỉ niệm tuổi thơ + Quê hương gắn liền với những tình cảm ruột rà • Nghệ thuật: Điệp, câu hỏi tu từ, hình ảnh giàu sức gợi, nhịp điệu.... 	
	<p>- Đánh giá chung:</p> <p>+ Tình yêu quê hương là một tình cảm thiêng liêng, cao quý...</p> <p>+ Vẻ đẹp nghệ thuật thơ Đỗ Trung Quân.</p>	0.5

		<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0.5
		<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.5
I + II		TỔNG ĐIỂM	10